

Số: 01/NQ-HĐND

Việt Yên, ngày 06 tháng 3 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về chuyển nguồn vốn đầu tư công năm 2022 sang năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**  
**KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua chuyển nguồn vốn đầu tư công năm 2022 sang năm 2023. Cụ thể như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 thực hiện và giải ngân là: **490.576.862.113 đồng**, của 05 Chủ đầu tư, 117 dự án.

(Chi tiết theo Biểu số 01, 02 đính kèm)

2. Thời gian gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 chuyển sang năm 2023 không quá ngày 31/12/2023 theo quy định.

**Điều 2.**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân huyện khóa XX, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 06 tháng 3 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- TT: HU, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Đơn vị của tỉnh trên địa bàn;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Đức



Biểu số 01

**CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN NGUỒN NĂM 2022 SANG 2023**  
**(QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ)**  
 Quyết số 01/NQ-HĐND ngày 06/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Tổng KH vốn còn lại chưa chi đến 31/01/2023			Chuyển nguồn 2022 sang 2023
			Tổng	Vốn 2021 chuyển nguồn sang 2022	Vốn phân bổ mới năm 2022	
1	2	3	10=11+12	11	12	17
	<b>Cộng tổng</b>	<b>8.517.760.942.760</b>	<b>616.651.363.565</b>	<b>4.342.647.882</b>	<b>612.308.715.683</b>	<b>471.643.638.601</b>
A	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>7.261.772.196.760</b>	<b>616.651.363.565</b>	<b>4.342.647.882</b>	<b>612.308.715.683</b>	<b>471.643.638.601</b>
1	GPMB và hạ tầng khu dân cư thôn Đạo Ngạn, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	33.340.200	33.340.200	-	33.340.200	33.340.200
2	BT, hỗ trợ GPMB khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư mới thôn Phúc Long, xã Tăng Tiến, huyện	226.710.000	226.710.000	-	226.710.000	226.710.000
3	GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện Việt Yên Hạng mục: Xây dựng Khu dân cư tại TDP 2, thị trấn Bích Động (vị trí Trung tâm Văn hóa-thông tin và thể thao huyện)	300.000.000	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000
4	Hạ ngầm đường dây điện 35KV – Quảng trường trung tâm huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	3.445.854.000	251.077.000	-	251.077.000	251.077.000
5	Tu bổ khu di tích Mộ và đền thờ Thân Công Tài, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	31.732.489.000	1.555.481.500	-	1.555.481.500	1.555.481.500
6	Tu bổ, tôn tạo Chùa Thổ Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	38.388.675.000	4.580.854.000	-	4.580.854.000	4.000.000.000
7	Xây dựng mới tuyến đường Hồ Công Dự kéo dài kết nối với đường Nguyễn Thế Nho, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	79.732.000.000	2.361.354.000	-	2.361.354.000	1.600.000.000
8	Đầu tư xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang	357.239.140.000	2.011.860.850	-	2.011.860.850	2.011.860.850
9	Đầu tư xây dựng Đường kết nối QL17 - Khu công nghiệp Việt Hàn - Khu công nghiệp Đình Trám với QL37	199.997.000.000	8.400.894.000	-	8.400.894.000	2.000.000.000
10	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Đông Vân, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	147.089.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
11	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Bắc Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	90.602.000.000	299.999.600	-	299.999.600	299.999.600
12	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục - hạng mục: Đầu tư xây dựng tuyến đường Nghè Nénh (đoạn từ giáp nhà văn hóa Ninh Khánh đi giao đường Doãn Đại Hiệu), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	14.607.013.000	1.260.710.400	-	1.260.710.400	866.000.000



	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Tổng KH vốn còn lại chưa chi đến 31/01/2023			Chuyển nguồn 2022 sang 2023
			Tổng	Vốn 2021 chuyển nguồn sang 2022	Vốn phân bổ mới năm 2022	
	2	3	10=11+12	11	12	17
13	Đầu tư xây dựng Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang	114.164.000.000	4.262.415.800	-	4.262.415.800	4.262.415.800
14	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Xây dựng trường mầm non Quảng Minh, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	14.974.668.000	1.970.501.000	-	1.970.501.000	1.920.436.000
15	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nghĩa Trung.	14.965.795.000	962.452.000	-	962.452.000	610.946.000
16	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Xây dựng trường THCS Hồng Thái, giai đoạn 1.	14.964.245.000	1.384.176.000	-	1.384.176.000	1.384.176.000
17	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Xây dựng trường THCS Hồng Thái giai đoạn 2.	14.938.806.000	1.227.121.000	-	1.227.121.000	942.000.000
18	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Xây dựng trường mầm non Vân Hà (hạng mục San nền, san nền, Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ).	11.903.356.000	491.531.600	-	491.531.600	491.531.600
19	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tiên Sơn, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	8.598.000.000	572.096.200	-	572.096.200	572.096.200
20	Cải tạo nâng cấp Trường mầm non thị trấn Nénh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	13.489.000.000	853.367.000	-	853.367.000	853.367.000
21	Xây dựng trường mầm non Vân Hà giai đoạn 2 (nhà lớp học tầng 12 phòng), xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	14.045.000.000	740.401.000	-	740.401.000	740.401.000
22	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Việt Tiến, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	10.925.000.000	709.595.000	-	709.595.000	709.595.000
23	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Hoàng Ninh, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	8.635.000.000	281.582.000	-	281.582.000	281.582.000
24	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn Thượng Phúc, Tăng Tiến huyện Việt Yên	14.842.975.000	1.362.472.000	-	1.362.472.000	1.362.472.000
25	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn Thượng Phúc, Tăng Tiến (Giai đoạn 1), huyện Việt	14.962.000.000	1.320.838.190	-	1.320.838.190	1.320.838.190
26	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn Thượng Phúc, Tăng Tiến (Giai đoạn 2), huyện Việt	11.012.000.000	3.200.000.000	-	3.200.000.000	3.200.000.000
27	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn Yên Ninh, thị trấn Nénh	14.962.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
28	Bồi thường, hỗ trợ GPMB khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư thôn Vàng, thôn Tự, xã Bích Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (Đợt 2)	12.269.650.000	536.885.432	-	536.885.432	536.885.432



1	2	3	Tổng KH vốn còn lại chưa chi đến 31/01/2023			Chuyển nguồn 2022 sang 2023
			Tổng	Vốn 2021 chuyển nguồn sang 2022	Vốn phân bổ mới năm 2022	
			10=11+12	11	12	17
29	Bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án khu dân cư thôn Bẩy, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	1.112.311.000	577.168.310	-	577.168.310	577.168.310
30	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	87.469.000.000	5.528.176.485	-	5.528.176.485	3.300.000.000
31	Trường Trung học cơ sở xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Hạng mục: Nhà lớp học kết hợp nhà hiệu bộ	14.839.693.000	1.098.393.000	-	1.098.393.000	1.098.393.000
32	Trường trung học cơ sở xã Hoàng Ninh; Hạng mục: Nhà lớp học và phụ trợ	14.831.770.000	1.108.077.000	-	1.108.077.000	1.108.077.000
33	Đường kết nối đường vành đai Bích Động với đường vành đai Đông Bắc Thành phố Bắc Giang	214.623.078.000	44.931.929.935	-	44.931.929.935	30.000.000.000
34	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu dân cư thôn Phúc Long, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang	13.002.630.000	1.373.998.000	-	1.373.998.000	442.000.000
35	Trụ sở khối cơ quan Đảng, Đoàn thể huyện Việt Yên, tỉnh Bắc	82.836.906.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
36	Quần thể văn hóa, thể thao huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	165.000.000.000	16.139.682.000	-	16.139.682.000	16.139.682.000
37	Chỉnh trang cảnh quan hệ thống giao thông, không gian công cộng, cây xanh đô thị	15.000.000.000	210.491.000	-	210.491.000	210.491.000
38	Nhà văn hóa thôn Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	3.771.000.000	213.281.000	-	213.281.000	213.281.000
39	Cải tạo hệ thống mương tiêu thôn Khả Lý Hạ, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên	3.000.000.000	1.181.783.000	-	1.181.783.000	1.181.783.000
40	Trường mầm non Vân Hà; hạng mục: Nhà bảo vệ, Sân và các hạng mục phụ trợ	4.995.671.000	48.687.000	-	48.687.000	48.687.000
41	Đầu tư xây dựng Trường mầm non thị trấn Nénh; huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 2)	9.525.952.000	695.732.000	-	695.732.000	695.732.000
42	Đầu tư xây dựng Trường THCS Hương Mai, xã Hương Mai, huyện Việt Yên	15.884.056.000	41.033.100	-	41.033.100	41.033.100
43	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Nénh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.	18.083.250.000	818.526.000	-	818.526.000	818.526.000
44	Cải tạo sửa chữa Trường tiểu học Vân Trung, xã Vân Trung; huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	4.573.209.000	217.080.000	-	217.080.000	217.080.000
45	Tu bổ, tôn tạo Chùa Bồ Đà; hạng mục: Công, tường rào.	14.950.000.000	3.464.031.982	-	3.464.031.982	3.464.031.982
46	Tôn tạo, tu bổ quần thể di tích Đỉnh Thượng Lát (giai đoạn 1)	15.000.000.000	4.062.772.000	-	4.062.772.000	4.062.772.000
47	Tu bổ, tôn tạo chùa Vân Cốc, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	44.900.000.000	6.153.104.767	-	6.153.104.767	2.500.000.000
48	Khu dân cư Yên Ninh, Ninh Khánh thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	120.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	6.500.000.000
49	Khu dân cư thôn Đạo Ngạn, xã Quang Châu	43.200.000.000	9.698.328.000	-	9.698.328.000	9.698.328.000
50	Khu dân cư công viên Hồ Dục Quang, thị trấn Bích Động	119.750.457.000	11.053.358.050	-	11.053.358.050	5.000.000.000



	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Tổng KH vốn còn lại chưa chi đến 31/01/2023			Chuyển nguồn 2022 sang 2023
			Tổng	Vốn 2021 chuyển nguồn sang 2022	Vốn phân bổ mới năm 2022	
	2	3	10=11+12	11	12	17
51	Khu dân cư đường vành đai 4, Nội Ninh, xã Ninh Sơn	32.000.000.000	2.366.350.000	-	2.366.350.000	1.600.000.000
52	Khu dân cư thôn thượng Phúc, xã Tăng Tiến (giai đoạn 3)	36.000.000.000	7.802.190.000	-	7.802.190.000	1.802.190.000
53	Khu dân cư thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức	6.990.880.000	1.915.783.320	-	1.915.783.320	200.000.000
54	Khu dân cư mới dọc tuyến đường Yên Ninh, thị trấn Nềnh (giai đoạn 2)	59.000.000.000	2.831.587.750	-	2.831.587.750	2.831.587.750
55	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Xây dựng khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho giai đoạn 4, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	15.650.639.000	3.335.357.050	-	3.335.357.050	500.000.000
56	GPMB, đầu tư khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất – Hạng mục: Khu dân cư thôn Sơn Quang, Tân Sơn, xã Trung Sơn (giai đoạn 2)	4.613.259.000	772.349.030	-	772.349.030	772.349.030
57	Chỉnh trang cảnh quan hệ thống giao thông, không gian công cộng, cây xanh đô thị; Hạng mục: Quần thể văn hóa thể thao huyện Việt Yên (giai đoạn 2)	160.000.000.000	47.123.662.000	-	47.123.662.000	47.123.662.000
58	Chỉnh trang cảnh quan hệ thống giao thông, không gian công cộng, cây xanh đô thị - Hạng mục: Chỉnh trang cảnh quan nút giao QL1 trên địa bàn huyện Việt Yên	26.000.000.000	3.662.262.000	-	3.662.262.000	3.662.262.000
59	Đầu tư trụ sở công an xã, thị trấn giai đoạn đến 2025 trên địa bàn huyện Việt Yên; Hạng mục: Trụ sở công an thị trấn Bích Động	8.000.000.000	3.470.345.000	-	3.470.345.000	3.470.345.000
60	Đầu tư trụ sở công an xã, thị trấn giai đoạn đến 2025 trên địa bàn huyện Việt Yên; Hạng mục: Trụ sở công an xã Quảng Minh	8.000.000.000	2.286.297.000	-	2.286.297.000	2.286.297.000
61	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Nghĩa Trung	12.834.236.000	295.685.000	-	295.685.000	295.685.000
62	Trường mầm non Tiên Sơn	15.000.000.000	7.118.521.000	-	7.118.521.000	7.118.521.000
63	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Minh Đức, khu trung tâm và khu lẻ	19.500.000.000	647.146.000	-	647.146.000	647.146.000
64	Đầu tư xây dựng trường THCS Văn Hà, xã Văn Hà	44.990.000.000	22.324.546.000	-	22.324.546.000	22.324.546.000
65	GPMB đầu tư KDC đầu giá quyền sử dụng đất:Hạng mục: Khu dân cư tổ dân phố Tự thị trấn Bích Động	54.000.000.000	10.727.374.000	-	10.727.374.000	10.727.374.000
66	Khu dân cư Thượng Phúc, Tăng Tiến; Đức Liễn, Hồng Thái huyện Việt Yên	113.000.000.000	14.910.375.500	-	14.910.375.500	14.910.375.500
67	Khu dân cư thôn Như Thiết, xã Hồng Thái (Giai đoạn 2)	120.000.000.000	22.065.485.000	-	22.065.485.000	14.200.000.000
68	Khu dân cư đường Dương Quốc Cơ thị trấn Bích Động	91.600.780.000	4.357.472.343	-	4.357.472.343	4.357.472.343
69	Khu dân cư tổ dân phố Kiều, thị trấn Bích Động	120.000.000.000	1.481.395.534	-	1.481.395.534	1.481.395.534
70	Khu dân cư Văn Xá, thị trấn Bích Động	120.000.000.000	4.705.226.680	-	4.705.226.680	4.705.226.680
71	Chỉnh trang cảnh quan hệ thống giao thông không gian công cộng, cây xanh đô thị. Hạng mục: Đầu tư xây dựng công viên cây xanh và cải tạo cảnh quan hồ trung tâm huyện		150.000.000	-	150.000.000	150.000.000



	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Tổng KH vốn còn lại chưa chi đến 31/01/2023			Chuyển nguồn 2022 sang 2023
			Tổng	Vốn 2021 chuyển nguồn sang 2022	Vốn phân bổ mới năm 2022	
2		3	10=11+12	11	12	17
72	Chính trang cảnh quan đô thị trên địa bàn huyện, hạng mục: Cải tạo hồ trung tâm huyện và hệ thống công trình công cộng trên địa bàn		20.000.000.000	-	20.000.000.000	500.000.000
73	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Thượng Lan	3.802.187.000	526.208.000	326.208.000	200.000.000	200.000.000
74	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Việt Tiên	4.786.032.000	1.455.442.000	1.255.442.000	200.000.000	200.000.000
75	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Quảng Minh		150.000.000	-	150.000.000	150.000.000
76	Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non Thượng Lan, xã Thượng Lan	15.000.000.000	50.000.000	-	50.000.000	50.000.000
77	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Minh Đức, xã Minh Đức		150.000.000	-	150.000.000	150.000.000
78	Tu bổ đến chính, sỏi Vật cầu nước làng Yên Viên, xã Vân Hà		200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
79	Quản thẻ văn hóa thể thao huyện Việt Yên giai đoạn 3		200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
80	Cải tạo, nâng cấp ĐT 288 nối bên Gầm, Phú Tài với đường Vành đai IV	7.500.000.000	1.974.000.000	-	1.974.000.000	1.974.000.000
81	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND - UBND xã Trung Sơn		200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
82	Đầu tư trụ sở công an xã, thị trấn giai đoạn đến năm 2025 trên địa bàn huyện Việt Yên, hạng mục: Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Thượng Lan, Nghĩa Trung, Trung Sơn		200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
83	Đầu tư trụ sở công an xã, thị trấn giai đoạn đến năm 2025 trên địa bàn huyện Việt Yên, hạng mục: Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Tiên Sơn, xã Minh Đức		200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
84	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Quảng Minh, huyện Việt Yên (giai đoạn 1)		250.000.000	-	250.000.000	250.000.000
85	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Minh Đức, huyện Việt Yên (điểm Mỏ Thỏ)	10.000.000.000	2.469.000.000	-	2.469.000.000	2.469.000.000
86	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non xã Tự Lạn, huyện Việt Yên (điểm chính và điểm thôn Râm)	15.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
87	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non xã Minh Đức, huyện Việt Yên	14.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
88	Đầu tư hệ thống phòng cháy, chữa cháy giáo dục trên địa bàn huyện	10.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000
89	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện huyện Việt Yên (Hạng mục: tuyến đường vành đai 4 đoạn từ trường cấp III lý Thường Kiệt đến QL37; tuyến đường ngã tư Tân Sơn đi Đồng Mối)	13.700.000.000	9.574.399.000	-	9.574.399.000	9.574.399.000
90	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện huyện Việt Yên (Hạng mục: tuyến đường 298 đoạn từ nhà máy gạch Bích Sơn đến hết địa bàn huyện Việt Yên; tuyến đường QL37-QL17-ĐT292: Km0-Km1+500; QL37 đoạn cầu vượt Đình Trám đến khu nhà ở xã hội Công nhân)	13.700.000.000	9.601.835.000	-	9.601.835.000	9.601.835.000
91	Chính trang cảnh quan đô thị trên địa bàn huyện, hạng mục: Chính trang tuyến phố chính theo đề án tuyến phố văn minh và một số hạng mục khác		11.520.346.000	-	11.520.346.000	11.520.346.000



1	2	Tổng mức đầu tư	Tổng KH vốn còn lại chưa chi đến 31/01/2023			Chuyển nguồn 2022 sang 2023
			Tổng	Vốn 2021 chuyển nguồn sang 2022	Vốn phân bổ mới năm 2022	
		3	10=11+12	11	12	17
92	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nghĩa Trung, điểm chính	11.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000
93	Trụ sở Ban tiếp công dân huyện Việt Yên	10.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
94	Chỉnh trang cảnh quan đô thị trên địa bàn huyện Việt Yên	50.000.000.000	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
95	Tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử văn hóa huyện Việt Yên, hạng mục: Di tích Quốc gia Đình Đông		550.000.000	-	550.000.000	550.000.000
96	ĐT XD tuyến đường từ ĐT.298 đi Cổ Đèo, xã Nghĩa Trung	150.000.000.000	67.772.552.000	-	67.772.552.000	67.772.552.000
97	ĐT XD tuyến đường kết nối từ Cổ Đèo xã Nghĩa Trung với đường vành đai Bích Động đi thành phố Bắc Giang	130.000.000.000	48.014.795.000	-	48.014.795.000	48.014.795.000
98	Tuyến đường kết nối khu đô thị Tự Lạn Bích Động với CCN Việt Tiên		300.000.000	-	300.000.000	300.000.000
99	Hệ thống nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt cục bộ huyện Việt Yên		300.000.000	-	300.000.000	300.000.000
100	Tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử văn hóa huyện Việt Yên; Hạng mục: Đền thờ Quán quân công Nguyễn Thế Nho		300.000.000	-	300.000.000	300.000.000
101	Tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử văn hóa huyện Việt Yên; Hạng mục: Đình Vân Cốc		300.000.000	-	300.000.000	300.000.000
102	Tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử văn hóa huyện Việt Yên; Hạng mục: Đền bà Chúa Kho		300.000.000	-	300.000.000	300.000.000
103	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Thượng Lan	18.000.000.000	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000



**PHƯƠNG MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN NGUYÊN NĂM 2022 SANG 2023  
(DO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÁC LÀM CHỦ ĐẦU TƯ)**

Đã được Hội đồng nhân dân huyện Việt Yên quyết định theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 06/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Tổng nguồn vốn phân bổ năm 2022	Kết quả thực hiện năm 2022	Nguồn vốn còn lại	Số chuyển nguồn
<b>I</b>	<b>Chủ đầu tư: Thị trấn Bích Động</b>	<b>9.150.000.000</b>	<b>9.150.000.000</b>	<b>4.401.866.946</b>	<b>4.748.133.054</b>	<b>4.748.133.054</b>
1	GPMB công an huyện	9.150.000.000	9.150.000.000	4.401.866.946	4.748.133.054	4.748.133.054
<b>II</b>	<b>Chủ đầu tư: Ban Chỉ huy quân sự huyện</b>	<b>48.950.000.000</b>	<b>18.500.000.000</b>	<b>11.587.954.000</b>	<b>6.912.046.000</b>	<b>6.912.046.000</b>
1	Khu gia tăng sản xuất tập trung của Ban chỉ huy quân sự huyện	4.000.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000
2	Xây dựng sở chỉ huy trong căn cứ chiến đấu huyện Việt Yên và Trận địa phòng không 12,7mm	44.950.000.000	15.000.000.000	11.587.954.000	3.412.046.000	3.412.046.000
<b>III</b>	<b>Chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>994.029.257</b>	<b>5.970.743</b>	<b>5.970.743</b>
1	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	1.000.000.000	1.000.000.000	994.029.257	5.970.743	5.970.743
<b>IV</b>	<b>Chủ đầu tư: Phòng Quản lý đô thị</b>	<b>28.370.501.348</b>	<b>7.667.561.000</b>	<b>400.487.285</b>	<b>7.267.073.715</b>	<b>7.267.073.715</b>
1	Khu dân cư mới Thượng Lan huyện Việt Yên	1.475.625.000	72.625.000	-	72.625.000	72.625.000
2	Lắp hệ thống Camera an ninh trên địa bàn huyện Việt Yên	10.332.452.000	2.815.950.000	-	2.815.950.000	2.815.950.000
3	Xây dựng, sửa chữa cách ly tập trung bệnh viện già chiến phục vụ phòng chống dịch Covid19	12.176.212.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
4	Điểm dân cư thôn Sơn Quang xã Trung Sơn huyện Việt Yên	542.878.348	542.878.000	68.908.528	473.969.472	473.969.472
5	Điểm dân cư số 1 Tân Sơn xã Trung Sơn huyện Việt Yên	554.829.000	356.699.000	-	356.699.000	356.699.000
6	Khu dân cư Sen Hồ, TT Nénh huyện Việt Yên	654.188.000	454.188.000	-	454.188.000	454.188.000
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Đông Long xã Quảng Minh (tỷ lệ 1/500)	574.286.000	365.190.000	-	365.190.000	365.190.000
8	Khu dân cư mới thôn Rãnh xã Tự Lạn huyện Việt Yên	799.012.000	299.012.000	84.399.108	214.612.892	214.612.892
9	Khu dân cư mới thôn Đạo Ngạn xã Quang Châu	724.741.000	424.741.000	-	424.741.000	424.741.000
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng KDC tổ dân phố Đồn Lương (tỷ lệ 1/500)	536.278.000	336.278.000	247.179.649	89.098.351	89.098.351
	<b>Tổng cộng</b>	<b>87.470.501.348</b>	<b>36.317.561.000</b>	<b>17.384.337.488</b>	<b>18.933.223.512</b>	<b>18.933.223.512</b>